CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ THỜI TRANG HÀ NỘI

Số: /2025/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỜI TRANG HÀ NỘI

Căn cứ:

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội ("**Công Ty**");*
- *Thông báo lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 66/2025/TB-HAF ngày 08/12 /2025 v/v thông qua phương án tách Công Ty và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công Ty;*
- *Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số …./2025/BBKP-HAF ngày …/…./2025 về việc Thông qua phương án tách Công Ty và sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công Ty.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông ("**ĐHĐCĐ**") Công Ty thông qua các nghị quyết sau:

1. NGHỊ QUYẾT 1: THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN TÁCH CÔNG TY:

1.1. Tách Công Ty với thông tin như sau:

a) Công ty bị tách:

- Tên công ty bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỜI TRANG HÀ NỘI**
- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: **HANOI TRADING SERVICE FASHION JOINT STOCK COMPANY**
- Tên công ty viết tắt: **HAFASCO**
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0100107927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài Chính) Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/11/1992.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 13 phố Đinh Lễ, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật: 02 người:
  + Ông Nguyễn Thái Dũng – Chức danh: Chủ tịch HĐQT
  + Ông Đào Nguyên Đặng – Chức danh: Giám đốc.

(*Sau đây gọi là "**Công Ty Bị Tách**"*)

b) Công ty được tách:

- Tên công ty bằng Tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU YÊN MỸ**
- Tên công ty bằng tiếng nước ngoài: **YEN MY TEXTILE AND GARMENT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên công ty viết tắt: **YMG.,JSC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Giai Phạm, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Người đại diện theo pháp luật: 02 người:
  + Ông Nguyễn Thái Dũng – Chức danh: Chủ tịch HĐQT
  + Ông Đào Nguyên Đặng – Chức danh: Giám đốc.

(*Sau đây gọi là "**Công Ty Được Tách**"*)

1.2. Cách thức tách Công Ty:

a) Nguyên tắc chung:

- Công Ty Bị Tách/Công Ty chuyển một phần tài sản, quyền và nghĩa vụ hiện có cũng như chuyển một phần số cổ phần của các cổ đông hiện hữu sở hữu tại Công Ty sang Công Ty Được Tách (*sau đây gọi chung là "**Tài Sản Chuyển Giao**"*). Cụ thể theo phương án, cách thức được đề cập tại Nghị quyết này.
- Công Ty Được Tách kế thừa toàn bộ quyền, lợi ích, nghĩa vụ hợp pháp được tách/phân chia liên quan đến Dự án đầu tư Xí nghiệp may xuất khẩu và xưởng sơ chế hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu ("**Dự án**") được UBND tỉnh Hưng Yên chấp thuận tại Thông báo số 128/TB-UB ngày 28/6/2002 và quyền sử dụng khu đất thực hiện Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047678 ngày 24/09/2009 tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ và thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (*nay thuộc Thôn Giai Phạm, Xã Nguyễn Văn Linh, Tỉnh Hưng Yên*) (bao gồm toàn bộ tài sản gắn liền với đất cũng như máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, vật tư sản xuất, quyền lợi và trách nhiệm có liên quan đến hoạt động của Dự án và các giấy phép/giấy chứng nhận năng lực hoạt động của Dự án) và chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ liên quan đến hoạt động khai thác kinh doanh tại Dự án. Cụ thể như sau:
  + Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8,181 tờ bản đồ số 02, 03 với diện tích 47,640m2; có địa chỉ tại xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ và trị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên (*nay là thôn Giai Phạm, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*); với mục đích sử dụng là đất cơ sở sản xuất kinh doanh, thời hạn sử dụng 35 năm (từ 29/11/2002 đến ngày 29/11/2037), nguồn gốc sử dụng đất là Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 047678 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp cho Công ty Thương mại dịch vụ - Thời trang Hà Nội (nay là Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ thời trang Hà Nội) ngày 24/9/2009 ("**Địa Điểm**");
  + Toàn bộ quyền sở hữu, khai thác hợp pháp đối với Dự án tại Địa Điểm.
  + Toàn bộ máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư, tài sản (hữu hình và vô hình) liên quan đến và phục vụ cho hoạt động của Dự án tại Địa Điểm.
  + Toàn bộ các hồ sơ, giấy tờ và tài liệu pháp lý, giấy phép hoạt động có liên quan tại Dự án và/hoặc Địa Điểm;
  + Các Hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Dự án;
  + Các tài sản và hồ sơ pháp lý, chứng từ khác của Dự án và/hoặc Địa Điểm.

  Công Ty Được Tách có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến Tài Sản Chuyển Giao từ Công Ty Bị Tách để hoàn thành việc tiếp nhận số tài sản này từ Công Ty Bị Tách.
- Sau khi hoàn thành việc tách Công Ty, Công Ty Bị Tách không chấm dứt tồn tại và tiếp tục thực hiện và có các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp đối với phần tài sản còn lại của Công Ty sau khi tách (trừ Tài Sản Chuyển Giao) (*Sau đây gọi chung là "**Tài Sản Còn Lại**"*) và chịu trách nhiệm, nghĩa vụ đối với các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, cổ đông và bên thứ ba theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty Bị Tách.
- Sau khi Công Ty Được Tách hoàn tất thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định, Công Ty Được Tách và Công Ty Bị Tách sẽ tiến hành rà soát, thực hiện thủ tục thông báo/điều chỉnh thông tin và bàn giao tài sản, các quyền, lợi ích, nghĩa vụ từ Công Ty Bị Tách sang Công Ty Được Tách theo quy định. Công Ty Được Tách sẽ kế thừa các quyền và nghĩa vụ tài chính

phát sinh từ Tài Sản Chuyển Giao từ thời điểm bàn giao chính thức.

- Các số liệu liên quan đến Tài Sản Chuyển Giao, Tài Sản Còn Lại, các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, với chủ nợ, khách hàng cũng như các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện, các khoản nợ tồn đọng (nợ phải trả), Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các phần vốn khác hình thành nên vốn chủ sở hữu,... được xác định theo giá trị sổ sách căn cứ Báo cáo tài chính ("**BCTC**") cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

  Tại thời điểm bàn giao chính thức, các số liệu về tài sản, công nợ, lợi nhuận và các nguồn vốn khác (ngoại trừ vốn điều lệ), sẽ được điều chỉnh lại phù hợp với phương án tách đã được thông qua. Chênh lệch số liệu giữa phương án tách tại thời điểm 31/12/2024 với thời điểm bàn giao chính thức sẽ được ghi nhận như một khoản công nợ giữa Công Ty Bị Tách và Công Ty Được Tách, mỗi bên sẽ tự chịu trách nhiệm về nghĩa vụ nợ của mình.
- Sau khi đăng ký doanh nghiệp, Công Ty Bị Tách và Công Ty Được Tách cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty Bị Tách, trừ trường hợp Công Ty Bị Tách, Công Ty Được Tách, chủ nợ, khách hàng, người lao động của Công Ty Bị Tách có thỏa thuận khác.
- Giao dịch tách Công Ty theo Nghị quyết này được xác định là hoàn thành khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau ("**Ngày Hoàn Thành**"):
  + Công Ty Được Tách được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận việc thành lập Công Ty Được Tách từ việc tách Công Ty.
  + Công Ty Bị Tách được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ghi nhận việc điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh của Công Ty do việc tách Công Ty.
  + Các Bên hoàn tất việc chuyển giao Tài Sản Chuyển Giao từ Công Ty Bị Tách cho Công Ty Được Tách.

*b) **Phương án tách cổ phần của các cổ đông hiện hữu:***

Toàn bộ cổ đông hiện hữu của Công Ty Bị Tách đồng thời là cổ đông tại Công Ty Được Tách với cùng một tỉ lệ sở hữu cổ phần (tỷ lệ 1:1). *(Các cổ phần được đề cập là cổ phần phổ thông)*

Ví dụ: Cổ đông hiện sở hữu 02 (hai) cổ phần của Công Ty Bị Tách, sau khi hoàn thành giao dịch tách công ty, sẽ sở hữu 01 cổ phần của Công Ty Bị Tách và 01 cổ phần của Công Ty Được Tách.

*c) **Phương án tách vốn điều lệ:***

- Vốn điều lệ của Công Ty Bị Tách sau khi tách Công Ty là: **50.000.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*).
- Vốn điều lệ của Công Ty Được Tách là: **50.000.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)*.

*d) **Phương án tách tài sản:***

- Tổng giá trị tài sản doanh nghiệp trước khi tách (tại thời điểm 31/12/2024) của Công Ty Bị Tách có giá trị là: **110.747.397.399 VNĐ** (*Bằng chữ: Một trăm mười tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi chín đồng)* theo số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.
- Công Ty Được Tách được kế thừa Dự án đầu tư Xí nghiệp may xuất khẩu và xưởng sơ chế hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu và các tài sản khác có liên quan đến hoạt động của Dự án với tổng số tiền là: **39.319.447.882 VNĐ** (*Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ, ba trăm mười chín*

triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi hai đồng). Cụ thể:

+ Tiền mặt lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty Được Tách: **1.396.403.966 VNĐ**
+ Các khoản phải thu ngắn hạn: **2.522.460.832 VNĐ**
+ Hàng tồn kho: **3.371.414.622 VNĐ**
+ Tài sản cố định hữu hình và vô hình: **30.858.785.423 VNĐ**
+ Chi phí trả trước dài hạn: **1.170.383.039 VNĐ**

- Tài sản còn lại của Công Ty Bị Tách sau khi tách Công Ty có giá trị là: **71.427.949.517 VNĐ** (*Bằng chữ: Bảy mươi mốt tỷ, bốn trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm mười bảy đồng).*
- Công Ty Bị Tách ghi nhận khoản phải thu của Công Ty Được Tách số tiền là: **205.806.452 VNĐ** là khoản phải thu cân nguồn khi tách Công Ty. Khoản phải thu này sẽ được cập nhật tại thời điểm bàn giao chính thức.

*Chi tiết tài sản chia tách theo **Phụ lục số 01** đính kèm.*

e) Phương án tách nợ phải trả:

- Tổng giá trị nợ phải trả trước khi tách (tại thời điểm ngày 31/12/2024) của Công Ty Bị Tách có giá trị là: **33.100.467.996 VNĐ** *(Bằng chữ: Ba mươi ba tỷ, một trăm triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm chín mươi sáu đồng)* theo số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.
- Công Ty Được Tách chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ liên quan đến Dự án, bao gồm khoản nợ phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn. Tổng giá trị công nợ được chuyển sang Công Ty Được Tách là: **290.176.728 VNĐ** *(Bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng).*
- Công Ty Bị Tách chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ còn lại. Tổng giá trị công nợ của Công Ty Bị Tách là: **32.810.291.268 VNĐ** *(Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, tám trăm mười triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, hai trăm sáu mươi tám đồng).*
- Công Ty Được Tách ghi nhận khoản phải trả Công Ty Bị Tách số tiền là **205.806.452 VNĐ** *(Bằng chữ: Hai trăm linh năm triệu, tám trăm linh sáu nghìn, bốn trăm năm mươi hai đồng),* là khoản phải trả cân nguồn khi tách Công Ty. Khoản phải trả này sẽ được cập nhật tại thời điểm bàn giao chính thức.

*Chi tiết theo **Phụ lục số 01** đính kèm.*

- Công Ty Bị Tách và Công Ty Được Tách vẫn tiếp tục liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty Bị Tách *(theo số liệu BCTC cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán)* sau khi hoàn tất thủ tục tách Công ty theo quy định pháp luật, trừ trường hợp Công Ty Bị Tách, Công Ty Được Tách, chủ nợ, khách hàng, người lao động của Công Ty Bị Tách có thỏa thuận khác.

f) Phương án tách nguồn vốn chủ sở hữu:

- Công Ty Được Tách được kế thừa một phần vốn góp, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tương ứng với tỷ lệ tài sản của Công Ty Được Tách nhận được như sau:
  + Vốn góp của chủ sở hữu: **50.000.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);*
  + Thặng dư vốn cổ phần: **4.742.294.543 VNĐ** *(Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng);*

+ Lợi nhuận chưa phân phối: **(15.918.829.841) VNĐ** *(Bằng chữ: Âm mươi lăm tỷ, chín trăm mười tám triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi mốt đồng).*

- Công Ty Bị Tách tiếp tục kế thừa:
  + Vốn góp của chủ sở hữu: **50.000.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng);*
  + Thặng dư vốn cổ phần: **4.742.294.543 VNĐ** *(Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm chín mươi tư nghìn, năm trăm bốn mươi ba đồng);*
  + Lợi nhuận chưa phân phối: **(15.918.829.841) VNĐ** *(Bằng chữ: Âm mươi lăm tỷ, chín trăm mười tám triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi mốt đồng).*

g) Phương án tách số chuyển lỗ

- Số lỗ của Công Ty Bị Tách phát sinh trước khi chia, tách thành doanh nghiệp khác và đang còn trong thời gian chuyển lỗ theo quy định thì số lỗ này sẽ được phân bổ cho các công ty sau khi chia, tách theo tỷ lệ vốn chủ sở hữu được chia, tách.
- Số lỗ của Công Ty Bị Tách còn được chuyển lỗ sẽ được xác định sau khi có kết quả kiểm tra thuế của Công Ty Bị Tách.

h) Phương án sử dụng lao động:

- Giao Chủ tịch HĐQT Công Ty chủ động phân tách và điều chuyển người lao động sang Công Ty Được Tách sau khi tách cho phù hợp.
- Đối với người lao động được chuyển giao sang Công Ty Được Tách, Công Ty Được Tách có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, sử dụng lao động đảm bảo các quyền, lợi ích và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật lao động.
- Công Ty Được Tách chủ động tiến hành tuyển dụng bổ sung lao động phù hợp với yêu cầu thực tế và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.
- Công Ty Bị Tách có trách nhiệm xây dựng phương án sử dụng lao động, thông báo cho người lao động Công Ty về việc tách Công Ty theo quy định của pháp luật.

i) Ngành nghề kinh doanh của Công Ty Được Tách: Theo **Phụ lục số 02** đính kèm.

j) Thời gian thực hiện:

- Thời hạn thực hiện tách Công Ty: Dự kiến trong vòng 90 (*chín mươi*) ngày (hoặc một thời hạn khác theo thực tế triển khai) kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tách Công Ty.
- Công Ty Bị Tách thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp do việc tách Công Ty (thay đổi mức vốn điều lệ, số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của cổ đông tại Công Ty và các nội dung khác có liên quan) trong vòng 10 ngày kể từ ngày được thông qua phương án tách Công Ty.
- Thời điểm Công Ty Được Tách đi vào hoạt động: Tại thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận việc thành lập Công Ty Được Tách từ việc tách Công Ty.

1.3. Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp:

Thay đổi vốn điều lệ của Công Ty Bị Tách do tách Công Ty:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: **100.000.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng).*
- Vốn điều lệ sau khi thay đổi: **50.000.000.000 VNĐ** (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).*
- Hình thức thay đổi vốn điều lệ: Do tách Công Ty *(Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời*

trang Hà Nội tách một phần vốn điều lệ sang Công Ty Được Tách là 50.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)).

- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi thay đổi vốn điều lệ.

1.4. Thông qua Điều lệ Công Ty Được Tách:

Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Được Tách theo **Phụ lục số 04** đính kèm. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Được Tách chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, hoàn thiện, ký ban hành toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Được Tách theo quy định.

2. <u>NGHỊ QUYẾT 2:</u> THÔNG QUA VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY BỊ TÁCH NHƯ SAU:

Sửa đổi các nội dung sau tại Điều lệ Công Ty Bị Tách sau khi tách Công Ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như sau:

2.1. Sửa đổi khoản 1 Điều 5 Điều lệ Công Ty Bị Tách về vốn điều lệ phù hợp với vốn điều lệ của Công Ty Bị Tách sau khi tách Công Ty.

2.2. Sửa đổi địa chỉ trụ sở chính của Công Ty tại khoản 3 Điều 2 Điều lệ Công Ty do cập nhật/thay đổi địa giới hành chính. Địa chỉ trụ sở chính của Công Ty được cập nhật như sau: "*Số 13, phố Đinh Lễ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*".

2.3. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Điều lệ Công Ty về ngành, nghề kinh doanh của Công Ty để phù hợp với mã ngành nghề kinh doanh theo hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được cập nhật/điều chỉnh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Mã ngành nghề kinh doanh sau khi cập nhật được ghi nhận tại **Phụ lục số 03** đính kèm Nghị quyết này.

2.4. Giao Người đại diện theo pháp luật hoàn thiện và ký ban hành Phụ lục sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Bị Tách về nội dung thay đổi nêu trên.

3. <u>NGHỊ QUYẾT 3:</u> THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC VÀ THỦ TỤC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC TÁCH CÔNG TY:

3.1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty có toàn quyền xem xét, phê duyệt, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh (nếu cần thiết) phương án tách Công Ty cho đến khi hoàn tất việc bàn giao từ Công Ty Bị Tách sang Công Ty Được Tách, thời gian thực hiện, phù hợp với tình hình thực tế tại Công Ty, quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

3.2. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty có toàn quyền xem xét, phê duyệt, quyết định và triển khai thực hiện các vấn đề có liên quan đến việc tách Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn:

a) Triển khai chi tiết việc tách Công Ty theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho đến khi hoàn tất việc bàn giao từ Công Ty Bị Tách sang Công Ty Được Tách, thời gian thực hiện, phù hợp với tình hình thực tế tại Công Ty, quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

b) Thực hiện và hoàn thành các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành; cập nhật thông tin cổ đông và số lượng cổ phần của mỗi cổ đông sau tách Công Ty và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định để triển khai nội dung trên.

c) Sửa đổi và giải trình tất cả các hồ sơ, thủ tục liên quan đến việc tách Công Ty theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) nhằm triển khai phương án tách Công Ty đảm bảo hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

d) Thực hiện và hoàn thành các thủ tục cần thiết để điều chỉnh các loại giấy phép khác có liên quan đến hoạt động của Công Ty Bị Tách phát sinh từ việc tách Công ty.

Điều 2: Nghị quyết này được lập theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, các cổ đông của Công Ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *Như Điều 2 (để t/h);*
- *Lưu: VP, HĐQT.*

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN THÁI DŨNG

PHỤ LỤC SỐ 01

TÀI SẢN, NGUỒN VỐN THEO PHƯƠNG ÁN TÁCH CÔNG TY TẠI NGÀY 31/12/2024

(Kèm theo Nghị quyết số ...../2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../... /2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội).

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	TRƯỚC KHI TÁCH	SAU KHI TÁCH	
	Công Ty Bị Tách	Công Ty Được Tách	Công Ty Bị Tách
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**25.905.302.722**	**7.290.279.420**	**18.615.023.302**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**10.792.807.931**	**1.396.403.966**	**9.396.403.965**
1. Tiền	2.792.807.931	1.396.403.966	1.396.403.965
2. Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	-	8.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**9.822.084.530**	**2.522.460.832**	**7.299.623.698**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.398.141.252	3.161.086.967	1.237.054.285
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	266.511.558	-	266.511.558
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	7.260.280.700	44.500.000	7.215.780.700
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.102.848.980)	(683.126.135)	(7.419.722.845)
III. Hàng tồn kho	**3.954.234.174**	**3.371.414.622**	**582.819.552**
1. Hàng tồn kho	3.954.234.174	3.371.414.622	582.819.552
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**336.176.087**	**-**	**336.176.087**
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	237.660.631	-	237.660.631
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**84.842.094.677**	**32.029.168.462**	**52.812.926.215**
II. Tài sản cố định	**31.625.944.023**	**30.858.785.423**	**767.158.600**
1. Tài sản cố định hữu hình	31.625.944.023	30.858.785.423	767.158.600
- Nguyên giá	*97.496.619.143*	83.914.788.373	*13.581.830.770*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*(65.870.675.120)*	(53.056.002.950)	*(12.814.672.170)*
3. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
- Nguyên giá	*913.969.700*	84.787.500	*829.182.200*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*(913.969.700)*	(84.787.500)	*(829.182.200)*
III. Bất động sản đầu tư	**1.511.015.078**	**-**	**1.511.015.078**
- Nguyên giá	9.297.662.689	-	9.297.662.689
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(7.786.647.611)	-	(7.786.647.611)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**2.880.410.151**	**-**	**2.880.410.151**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.880.410.151	-	2.880.410.151

CHỈ TIÊU	TRƯỚC KHI TÁCH	SAU KHI TÁCH	
	Công Ty Bị Tách	Công Ty Được Tách	Công Ty Bị Tách
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**46.656.315.039**	**-**	**46.656.315.039**
1. Đầu tư vào công ty con	18.900.000.000	-	18.900.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27.756.315.039	-	27.756.315.039
VI. Tài sản dài hạn khác	**2.168.410.386**	**1.170.383.039**	**998.027.347**
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.168.410.386	1.170.383.039	998.027.347
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**110.747.397.399**	**39.319.447.882**	**71.427.949.517**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**33.100.467.996**	**290.176.728**	**32.810.291.268**
I. Nợ ngắn hạn	**16.935.259.996**	**290.176.728**	**16.645.083.268**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	787.865.994	103.121.344	684.744.650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	824.726.149	187.055.384	637.670.765
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.632.102.810	-	1.632.102.810
4. Phải trả người lao động	2.481.889.262	-	2.481.889.262
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	8.639.428.321	-	8.639.428.321
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.551.351.633	-	2.551.351.633
9. Phải trả ngắn hạn khác	17.895.827	-	17.895.827
II. Nợ dài hạn	**16.165.208.000**	**-**	**16.165.208.000**
7. Phải trả dài hạn khác	6.165.208.000	-	6.165.208.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**77.646.929.403**	**38.823.464.702**	**38.823.464.701**
I. Vốn chủ sở hữu	**77.646.929.403**	**38.823.464.702**	**38.823.464.701**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	100.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*100.000.000.000*	*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	9.484.589.086	*4.742.294.543*	4.742.294.543
11. Lợi nhuận chưa phân phối	(31.837.659.683)	(15.918.829.841)	(15.918.829.842)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*(34.700.390.036)*	*(17.350.195.018)*	*(17.350.195.018)*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*2.862.730.353*	*1.431.365.177*	*1.431.365.176*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**110.747.397.399**	**39.113.641.430**	**71.633.755.969**
Net chênh lệch tài sản - nguồn vốn	**-**	**(205.806.452)**	**205.806.452**

PHỤ LỤC SỐ 02

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH DỰ KIẾN CỦA CÔNG TY ĐƯỢC TÁCH (CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU YÊN MỸ)

(Kèm theo Nghị quyết số ...../2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../... /2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội)

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
1	Hoạt động vui chơi giải trí khác *Chi tiết:* *- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);* *- Hoạt động của các khu giải trí,* *(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)*	9329
2	**Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)**	**1410 (Chính)**
3	Sản xuất trang phục đan móc	1430
4	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình *(Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)*	4649
6	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa *Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)*	4610
7	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
8	Bán buôn thực phẩm	4632
9	Bán buôn đồ uống	4633
10	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn	4711
11	Bán lẻ lương thực	4721
12	Bán lẻ thực phẩm	4722
13	Bán lẻ đồ uống	4723
14	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh *(Trừ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế)*	4772
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
	Chi tiết: Khai thác bãi đỗ xe, tổ chức dịch vụ trông giữ phương tiện Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ôtô, bãi để xe đạp, xe máy	
16	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết:* *- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt* *- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép*	4679
17	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Chi tiết:* *- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh* *- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)*	4773
18	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751
20	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy *(Trừ đấu giá)*	4783
21	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy *(Trừ đấu giá)*	4663
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24	Bốc xếp hàng hóa	5224
25	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
26	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động *(Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)*	5610
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
28	Đại lý lữ hành	7911
29	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	4740
31	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
33	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
34	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
35	Hoạt động nhiếp ảnh	7420

PHỤ LỤC SỐ 03

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH ĐƯỢC CẬP NHẬT CỦA CÔNG TY BỊ TÁCH (CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THỜI TRANG HÀ NỘI)

(Kèm theo Nghị quyết số ...../2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../... /2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội)

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
1	Hoạt động vui chơi giải trí khác *Chi tiết:* *- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);* *- Hoạt động của các khu giải trí,* *(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)*	9329
2	Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
3	**Sản xuất trang phục đan móc**	**1430 (Chính)**
4	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
6	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa *Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)*	4610
7	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
8	Bán buôn thực phẩm	4632
9	Bán buôn đồ uống	4633
10	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn	4711
11	Bán lẻ lương thực	4721
12	Bán lẻ thực phẩm	4722
13	Bán lẻ đồ uống	4723
14	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh *(Trừ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế)*	4772
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ *Chi tiết: Khai thác bãi đỗ xe, tổ chức dịch vụ trông giữ phương tiện Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ôtô, bãi để xe đạp, xe máy*	5225

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
16	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết:* *- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt* *- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép*	4679
17	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Chi tiết:* *- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh* *- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh* *(Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)*	4773
18	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751
20	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy *(Trừ đấu giá)*	4783
21	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy *(Trừ đấu giá)*	4663
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24	Bốc xếp hàng hóa	5224
25	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
26	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động *(Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)*	5610
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
28	Đại lý lữ hành	7911
29	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	4740
31	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
33	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
34	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
35	Hoạt động nhiếp ảnh	7420

PHỤ LỤC SỐ 04

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY ĐƯỢC TÁCH (CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU YÊN MỸ)

(Kèm theo Nghị quyết số ...../2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../... /2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội)

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU YÊN MỸ

******

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Dệt may Xuất khẩu Yên Mỹ

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Các thuật ngữ được sử dụng trong Điều lệ này có nghĩa tương ứng được nêu dưới đây:

1.1 Luật Doanh nghiệp: Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020, được sửa đổi bởi Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

1.2 Công ty: Là Công Ty Cổ Phần Dệt May Xuất Khẩu Yên Mỹ.

1.3 Điều lệ: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Dệt May Xuất Khẩu Yên Mỹ.

1.4 Vốn điều lệ: Có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và được chi tiết tại Điều 4 của Điều lệ này.

1.5 Người đại diện theo ủy quyền: Là các đại diện cá nhân được ủy quyền do các cổ đông chỉ định vào từng thời điểm để thay mặt cho các cổ đông đó trong Hội đồng quản trị.

1.6 Ngành, nghề kinh doanh: Ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được đăng ký theo quy định của pháp luật và được chi tiết tại Khoản 1 Điều 3 của Điều lệ này.

1.7 Pháp luật: Là tất cả các văn bản pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành *(bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng).*

1.8 Cổ đông: Là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

1.9 Người quản lý của Công ty: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, các Phó Giám đốc và các chức danh khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

1.10 Người có quan hệ gia đình bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

1.11 Người có liên quan: Là cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

1.12 Giấy tờ pháp lý của cá nhân: Là một trong các loại giấy tờ sau đây: Thẻ Căn cước, Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

1.13 Giấy tờ pháp lý của tổ chức: Là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

1.14 Đơn vị trực thuộc: Là các Chi nhánh và các đơn vị tương đương khác do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm.

ĐIỀU 2. LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP, TÊN GỌI, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, DẤU CỦA CÔNG TY

2.1 Công ty thuộc loại hình Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2 Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY XUẤT KHẨU YÊN MỸ**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **YEN MY TEXTILE AND GARMENT EXPORT JOINT STOCK COMPANY**

Tên Công ty viết tắt: **YMG.,JSC**

2.3 Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Giai Phạm, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

2.4 Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

2.5 Dấu của Công ty:

- Loại dấu: Dấu được làm tại cơ sở khắc dấu;
- Số lượng dấu: 01 *(Một)*;
- Hình thức dấu: Dấu tròn, màu mực đỏ;
- Nội dung dấu bao gồm: Tên Công ty; Địa chỉ; Mã số doanh nghiệp;
- Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ dấu: Dấu được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty, việc quản lý và sử dụng theo Quy chế quản lý và sử dụng dấu của Công ty;
- Dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về sử dụng con dấu.

ĐIỀU 3. NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

3.1. Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động vui chơi giải trí khác *Chi tiết:* *- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);* *- Hoạt động của các khu giải trí,* *(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)*	9329
2	**Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)**	**1410 (Chính)**
3	Sản xuất trang phục đan móc	1430
4	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
5	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình *(Trừ bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)*	4649
6	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa *Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá, môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)*	4610
7	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
8	Bán buôn thực phẩm	4632
9	Bán buôn đồ uống	4633
10	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn	4711
11	Bán lẻ lương thực	4721
12	Bán lẻ thực phẩm	4722
13	Bán lẻ đồ uống	4723
14	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh *(Trừ bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế)*	4772
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ *Chi tiết: Khai thác bãi đỗ xe, tổ chức dịch vụ trông giữ phương tiện Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ôtô, bãi để xe đạp, xe máy*	5225
16	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt* *- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép*	4679
17	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) *Chi tiết:* *- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh* *- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh* *(Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)*	4773
18	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751
20	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy *(Trừ đấu giá)*	4783
21	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy *(Trừ đấu giá)*	4663
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
24	Bốc xếp hàng hóa	5224
25	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
26	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động *(Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)*	5610
27	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
28	Đại lý lữ hành	7911
29	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
30	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	4740
31	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
33	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
34	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532
35	Hoạt động nhiếp ảnh	7420

3.2 Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc thay đổi các ngành nghề kinh doanh và đăng ký mã ngành theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4. VỐN ĐIỀU LỆ

4.1 Vốn điều lệ của Công ty: **50.000.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Năm mươi tỉ đồng).*

4.2 Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 5.000.000 cổ phần *(Bằng chữ: Năm triệu cổ phần).*

4.3 Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ *(Bằng chữ: Mười nghìn đồng)*/cổ phần.

ĐIỀU 5. ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐIỀU LỆ

5.1 Vốn Điều lệ có thể được điều chỉnh theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

5.2 Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ phù hợp với quy định pháp luật.

5.3 Công ty có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. CÁC LOẠI CỔ PHẦN

6.1 Loại cổ phần:

a) Cổ phần phổ thông: 5.000.000 cổ phần *(Bằng chữ: Năm triệu cổ phần).*

b) Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần *(Bằng chữ: Không cổ phần)*

6.2 Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

ĐIỀU 7. CHỨNG CHỈ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

ĐIỀU 8. CỔ PHIẾU

8.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

f) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

8.2 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

8.3 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

ĐIỀU 9. SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

9.1 Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông dưới dạng văn bản giấy và/hoặc tập dữ liệu điện tử.

9.2 Sổ đăng ký cổ đông của Công ty có các nội dung chính sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

9.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

9.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

9.5 Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan.

ĐIỀU 10. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

10.1 Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông nắm giữ của từng cổ đông trong Công ty.

d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

e) Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

10.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

10.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

b) Trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

10.4 Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

10.5 Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

10.6 Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

ĐIỀU 11. NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

11.1 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

11.2 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

11.3 Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

11.4 Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

11.5 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

ĐIỀU 12. BÁN CỔ PHẦN

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

12.1 Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;

12.2 Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

12.3 Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Công ty trong trường hợp giá trị số cổ phần chào bán bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty trong trường hợp còn lại;

12.4 Trường hợp khác và mức chiết khấu cụ thể trong các trường hợp đó do Đại hội đồng cổ đông Công ty quy định.

ĐIỀU 13. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

13.1 Cổ phần được tự do chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

13.2 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

13.3 Trường hợp Công ty có cổ đông là cá nhân và cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

13.4 Trường hợp Công ty có cổ đông là cá nhân và cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

13.5 Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

13.6 Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

13.7 Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại các văn bản nội bộ của Công ty.

ĐIỀU 14. CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ

14.1 Công ty chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

14.2 Công ty chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã chào bán và đã đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu *(nếu có)*, trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

b) Có báo cáo tài chính của năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán;

c) Bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định pháp luật;

d) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của Công ty theo báo cáo tài chính năm liền kề trước năm phát hành được kiểm toán trừ trường hợp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản.

e) Điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

14.3 Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ này;

Trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu.

14.4 Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần

ĐIỀU 15. MUA CỔ PHẦN, TRÁI PHIẾU

Cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản hợp lệ khác theo quy định của pháp luật và phải được thanh toán đủ 01 *(Một)* lần.

ĐIỀU 16. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

16.1 Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số

lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (*Mười*) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

16.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (*Chín mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (*Ba*) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 17. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

17.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong 12 (*Mười hai*) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

17.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

17.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (*Ba mươi*) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

17.4 Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (*Ba mươi)* ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Thẻ căn cước/Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

17.5 Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

ĐIỀU 18. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

18.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty vẫn hoạt động bình thường.

18.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 của Điều lệ này được coi là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnhgiảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (*Mười*) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

18.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải

liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

18.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

ĐIỀU 19. TRẢ CỔ TỨC

19.1 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Công ty vẫn hoạt động bình thường.

19.2 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại văn bản nội bộ của Công ty *(nếu có)*. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.

19.3 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (*Sáu*) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (*Ba mươi*) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (*mười lăm*) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

19.4 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

19.5 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (*Mười*) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

ĐIỀU 20. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 19 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về

các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG II
CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 21. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

21.1 Đại hội đồng cổ đông;

21.2 Hội đồng quản trị;

21.3 Ban kiểm soát;

21.4 Giám đốc;

ĐIỀU 22. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

22.1 Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

22.2 Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.

22.3 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

22.4 Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

22.5 Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê.

22.6 Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

a. Công ty có 02 *(Hai)* người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên 30 *(Ba mươi)* ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

c. Người đại diện có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

e. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 *(Ba mươi)* ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

ĐIỀU 23. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

23.1 Người quản lý Công ty có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản ủy quyền hợp lệ.

23.2 Người quản lý Công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, các quy định khác của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các văn bản nội bộ của Công ty;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh *(nếu có)* của Công ty.

e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty *(nếu có)*.

ĐIỀU 24. CHẤP THUẬN HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

24.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

d) Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ.

24.2 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

24.3 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi

ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

24.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

24.5 Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan

ĐIỀU 25. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

25.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

25.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty *(nếu có)*.

ĐIỀU 26. THẨM QUYỀN TRIỆU TẬP HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

26.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (*Một*) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

26.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (*Bốn*) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, nhưng không quá 06 (*Sáu*) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

26.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

26.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*Ba mươi*) ngày, kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

26.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (*Ba mươi*) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

26.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

26.7 Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

26.8 Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

ĐIỀU 27. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

27.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (*Mười*) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

27.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

27.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty này và các văn bản nội bộ của Công ty *(nếu có)*.

ĐIỀU 28. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

28.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

28.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (*Ba*) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

28.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp khác theo quy định tại các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

28.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

ĐIỀU 29. MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

29.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (*Hai mươi mốt*) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

29.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty (*nếu có*).

29.3 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

29.4 Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty *(nếu có)*. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

ĐIỀU 30. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

30.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

30.2 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

30.3 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

ĐIỀU 31. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

31.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết.

31.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (*Ba mươi*) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất từ 35% tổng số phiếu biểu quyết.

31.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (*Hai mươi*) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

31.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này.

ĐIỀU 32. THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

32.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

32.2 Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

32.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

32.4 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

32.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

32.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

32.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

32.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (*Ba*) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

32.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 33. HÌNH THỨC THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 34. ĐIỀU KIỆN ĐỂ NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA

34.1 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

34.2 Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này.

34.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

34.4 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

34.5 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; khi Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

ĐIỀU 35. THẨM QUYỀN VÀ THỂ THỨC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

35.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào (bao gồm cả các nội dung theo khoản 2 Điều 25, Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này) để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

35.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết

chậm nhất 10 (*Mười*) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này;

35.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

35.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

35.5 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

35.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Khi Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty;

35.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

35.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 36. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

36.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

36.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

36.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

36.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty (nếu có).

36.5 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 37. YÊU CẦU HUỶ BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

37.1 Trong thời hạn 90 *(Chín mươi)* ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài

xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

37.2 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*), trừ trường hợp nghị quyết đó được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

37.3 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật, Điều lệ này hoặc các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

ĐIỀU 38. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

38.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

38.2 Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1, 3 Điều 24 và điểm d Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này và/hoặc các giao dịch khác không được quy định tại Điều 24 và Điều 25 Điều lệ này nhưng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, giao kết/gia hạn/chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm (*trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc*); quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

j) Quyết định việc cử người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn góp của Công ty, tham gia Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát/Đại hội đồng cổ đông tại Công ty khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định pháp luật khác liên quan và các văn bản nội bộ của Công ty tại từng thời điểm (*nếu có*).

38.3 Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

38.4 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này và gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

ĐIỀU 39. NHIỆM KỲ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

39.1 Hội đồng quản trị có từ 03 (*Ba*) đến 11 (*Mười một*) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại từng thời điểm.

39.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (*Năm*) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

39.3 Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 40. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

40.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

40.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

40.3 Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

ĐIỀU 41. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

41.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty tại từng thời điểm.

41.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị ký nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị;

g) Quyết định tuyển dụng, giao kết/gia hạn/chấm dứt hợp đồng lao động, điều chuyển/điều động/biệt phái (*bao gồm các chế độ liên quan – nếu có*), thay đổi chức danh công việc, quyết định thu nhập/mức lương, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất đối với Trưởng/Phó Ban (*nếu Công ty có Ban*) hoặc Trưởng/Phó Phòng (*nếu Công ty không có Ban*)/cấp tương đương, Ban Giám đốc Đơn vị trực thuộc Công ty (*nếu có*), ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

h) Phê duyệt phương án sắp xếp nhân sự của tháng (*làm việc online/ngày Lễ Tết, nghỉ luân phiên...*) và tỷ lệ hưởng quỹ lương của tháng theo quy định nội bộ Công ty tại từng thời điểm;

i) Phê duyệt chức năng nhiệm vụ, hệ thống thang bảng lương, hệ thống cấp bậc chức danh, mô tả công việc, khung năng lực và định biên nhân sự của Công ty;

j) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

k) Quyết định việc ký kết/gia hạn, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng, giao dịch của Công ty, trừ những hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và văn bản nội bộ khác của Công ty *(nếu có);*

l) Thành lập, quyết định tổ chức hoạt động, các vấn đề có liên quan của Hội đồng lương thưởng và các Hội đồng/Ủy ban/Ban theo yêu cầu quản trị của Công ty tại từng thời điểm;

m) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

n) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc quy định tại pháp luật hiện hành, Điều lệ này và văn bản nội bộ khác của Công ty.

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của tại pháp luật hiện hành, Điều lệ này và văn bản nội bộ khác của Công ty tại từng thời điểm (*nếu có*).

41.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (*Mười*) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

41.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không có khả năng làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 42. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

42.1 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác *(nếu có)*.

42.2 Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

42.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (*Năm*) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (*Hai*) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác do các văn bản nội bộ của Công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản được gửi chuyển phát, fax hoặc thư điện tử tới Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc văn phòng thư ký Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

42.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản gốc đề nghị hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

42.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (*Ba*) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

42.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

42.7 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

42.8 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 9 Điều này.

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (*Một*)

giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

42.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

42.10 Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

42.11 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

ĐIỀU 43. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

43.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, các Phó Giám đốc, người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty *(nếu có)*.

43.2 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 44. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM VÀ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

44.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

44.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (*Sáu*) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

44.3 Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn hiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

44.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại khoản 1 Điều 39 của Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (*Sáu mươi*) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 45. GIÁM ĐỐC CÔNG TY

45.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (*Một*) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

45.2 Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (*Năm*) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

45.3 Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty.

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo các quy định khác của pháp luật có liên quan và các văn bản nội bộ của Công ty.

45.4 Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty *(ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị)* theo phân cấp/ủy quyền, phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ này, quy chế, quy định của Công ty và Hợp đồng lao động *(nếu có);*

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp đồng lao động và các văn bản nội bộ của Công ty tại từng thời điểm (*nếu có*).

45.5 Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, các văn bản phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị và/hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái quy định mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân trước Công ty, trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

45.6 Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

45.7 Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

ĐIỀU 46. BAN KIỂM SOÁT

46.1 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 Kiểm soát viên. Số lượng Kiểm soát viên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

46.2 Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do các văn bản nội bộ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban

kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Công ty.

46.3 Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

ĐIỀU 47. TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

47.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

47.2 Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

47.3 Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

47.4 Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

47.5 Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và các văn bản nội bộ Công ty.

ĐIỀU 48. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

48.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

48.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

48.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (*Sáu*) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

48.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

48.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này.

48.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

48.8 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 23 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

48.9 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

48.10 Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

48.11 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

48.12 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật hiện hành, các văn bản nội bộ của Công ty *(nếu có)* và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 49. QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BAN KIỂM SOÁT

49.1 Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo

b) Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành

49.2 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác *(nếu có)*; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

49.3 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

ĐIỀU 50. TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

50.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

50.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

50.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

50.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*).

50.5 Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

50.6 Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

ĐIỀU 51. MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

51.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do các văn bản nội bộ của Công ty quy định.

51.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các văn bản nội bộ của Công ty (*nếu có*);

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

CĂN CỨ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỞNG CHO NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

ĐIỀU 52. THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

52.1 Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, thưởng cho Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

52.2 Thù lao, tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

52.3 Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

ĐIỀU 53. CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

53.1 Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

53.2 Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn Điều lệ;

c) Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

53.3 Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty *(nếu có)*;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công ty và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại các văn bản nội bộ của Công ty.

53.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

ĐIỀU 54. TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

Tiền lương, thù lao, thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

54.1 Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát .

54.2 Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

54.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG IV
TÀI CHÍNH

ĐIỀU 55. THỂ LỆ QUYẾT TOÁN

55.1 Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

55.2 Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của Luật kế toán hiện hành và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

55.3 Việc thu chi tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

55.4 Trong vòng 90 *(Chín mươi)* ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty nộp các báo cáo tài chính đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 56. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SAU THUẾ, LẬP QUỸ VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

56.1 Công ty chỉ được sử dụng lợi nhuận khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đồng thời vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi sử dụng lợi nhuận.

56.2 Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và thanh toán tất cả các khoản nợ đến hạn phải trả, trong trường hợp không có văn bản nội bộ quy định khác thì tuỳ thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định trích lập các Quỹ sau:

a. Quỹ dự trữ bắt buộc;
b. Quỹ phúc lợi tập thể;
c. Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh;
d. Quỹ khen thưởng;
e. Các quỹ khác.

Tỉ lệ sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại từng thời điểm.

56.3 Đại hội đồng cổ đông của Công ty chỉ được rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty thanh toán đủ các khoản và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

56.4 Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh

Trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Đại hội đồng cổ đông được quyết định theo các hướng sau:

a) Trích quỹ dự trữ để bù;
b) Chuyển sang năm sau để trừ vào lợi nhuận của năm tài chính sau trước khi phân phối lợi nhuận;
c) Cắt giảm chi phí, đẩy mạnh doanh thu cho năm tài chính sau.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

ĐIỀU 57. CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ CÔNG TY

57.1 Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (*Sáu*) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

57.2 Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các **khoản nợ của doanh nghiệp.**

ĐIỀU 58. THỦ TỤC GIẢI THỂ CÔNG TY

Việc giải thể Công ty được thực hiện theo quy định sau đây:

58.1 Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty;

d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

58.2 Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản Công ty.

58.3 Trong thời hạn 07 (*Bảy*) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty *(nếu có)*.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Phương án giải quyết phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

58.4 Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được nghị quyết, quyết định giải thể của Công ty. Kèm theo thông báo phải đăng tải nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ *(nếu có)*.

58.5 Các khoản nợ của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

b) Nợ thuế;

c) Các khoản nợ khác.

58.6 Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông Công ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

58.7 Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 (*Năm*) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

58.8 Sau thời hạn 180 (*Một trăm tám mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định giải thể theo khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 (*Năm*) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

ĐIỀU 59. CÁC HOẠT ĐỘNG BỊ CẤM KỂ TỪ KHI CÓ QUYẾT ĐỊNH GIẢI THỂ

59.1 Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm Công ty, người quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;

b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;

c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Công ty;

d) Ký kết hợp đồng mới trừ trường hợp để thực hiện giải thể Công ty;

e) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;

f) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;

g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.

59.2 Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

ĐIỀU 60. PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

ĐIỀU 61. TRANH CHẤP

Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với cổ đông của Công ty, giữa các cổ đông Công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Nếu không được sẽ đưa ra giải quyết tại tòa có thẩm quyền.

ĐIỀU 62. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 63. BÁO CÁO HẰNG NĂM

63.1 Khi kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo về tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

63.2 Các báo cáo và tài liệu quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 *(Ba mươi)* ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

63.3 Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất 10 *(Mười)* ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông sở hữu cổ phần

của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 64. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN

Công ty gửi Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật về Kế toán và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 65. HIỆU LỰC THI HÀNH

65.1 Bản Điều lệ này gồm 05 *(Năm)* Chương, 65 *(Sáu mươi lăm)* Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

65.2 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

65.3 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Chủ tịch HĐQT	**Giám đốc**
NGUYỄN THÁI DŨNG	**ĐÀO NGUYÊN ĐẶNG**